TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ AN NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 176/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08.6.2018
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Lệ
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Thống - Cán bộ hưu trí phường Bình Định, thị xã An Nhơn.
2. Ông Hồ Xuân Dũng - Cán bộ hưu trí xã Nhơn An, thị xã An Nhơn.
- Thư ký phiên Tòa: Cô Nguyễn Mai Đoan Thục - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 139/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2018, về việc "Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2018/QĐXXST.HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 18/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự

**** Nguyên đơn***: Chị Trần Thị Ánh H, sinh năm 1992 (có mặt)
Trú tại: Xóm T, thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.
**** Bị đơn***: Anh Trần Minh S, sinh năm 1981 (có mặt)
Trú tại: Xóm T, thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.
**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***:
1/ Chị Tạ Thị N, sinh năm 1976 (vắng mặt)
Trú tại: Xóm Q, thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.
2/ Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1978 (có mặt)
Trú tại: Xóm T, thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.
3/ Vợ chồng ông Bùi Văn L (sinh năm 1966) (có mặt), bà Trương Thị T (sinh năm 1970) (vắng mặt).
Trú tại: Xóm T, thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Ánh H trình bày*: Chị và anh Trần Minh S có thời gian tìm hiểu khoảng 01 năm, được gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi cưới vợ chồng sống ở nhà cha mẹ chồng ở thôn T, xã N, vợ chồng chung sống bình thường hạnh phúc. Đến ngày 14/7/2017 anh S bị điện giật tại tỉnh Hà Nam trong lúc đang chở hàng. Anh S điều trị tại bệnh viện tỉnh Hà Nam và bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức Hà Nội. Trong thời gian này chị, cha ruột và chị chồng ra chăm sóc, đến ngày 29/7/2017 thì Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức chuyển anh S về điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định. Tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định, chị chăm sóc anh S khoảng 04 ngày thì về chăm sóc con bị bệnh đang nằm điều trị tại Trung tâm y tế thị xã An Nhơn. Lúc này vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do giữa chị và mẹ chồng cãi nhau về chuyện tiền bạc. Sau đó anh S điện thoại yêu cầu chị mang tiền xuống bệnh viện nên giữa chị và anh S mâu thuẫn do anh S và mẹ chồng không tin tưởng chị. Khi chị quay lại bệnh viện thì anh S tỏ ra lạnh nhạt, không nói năng gì với chị nên chị bỏ về nhà mẹ ruột ở từ tháng 8/2017, vợ chồng sống ly thân từ đó cho tới nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, yêu cầu được ly hôn với anh Trần Minh S.

Về con chung: Vơ chồng có 01 người con chung tên Trần Phong H sinh ngày 09.7.2016, cháu H hiện đang ở với chị. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu H, yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con 500.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Vàng cưới gồm 07 chỉ vàng y + 01 đôi bông tai vàng tây (không rõ trọng lượng) và 02 chiếc nhẫn đính hôn vàng tây không rõ trọng lượng. Năm 2016 anh S bán vàng cưới mua 02 con bò nghé cái giá 24.000.000đ và cuối năm 2016 anh S mua trả góp chiếc xe Air Blade biển số 77F1-379.14 tại Viễn Thuận Phát 3, Phú Tài. Đến tháng 7/2017 khi anh S bị điện giật tại tỉnh Hà Nam thì chị đã nhờ mẹ ruột tên Bùi Thị T bán 02 con bò giá 10.000.000đ cho một người lái buôn (không rõ họ tên, địa chỉ) đem tiền ra chữa trị cho anh S. Tại Hà Nội chị đã làm mất 01 đôi bông tai vàng tây chỉ còn 01 mắc sợi dây.

Ngoài ra, còn có 01 chiếc nhẫn tango vàng tây + 01 sợi dây chuyền vàng tây không rõ trọng lượng do anh S sắm vào thời gian nào chị không biết, khi anh S bị tai nạn ở tỉnh Hà Nam thì đưa cho chị giữ. Tại tỉnh Hà Nam, chị đã bán 01 chiếc nhẫn tango vàng tây + 01 sợi dây chuyền vàng tây giá khoảng 5.000.000đ để lo cho anh S tại bệnh viện.

Hiện tại tài sản chung của vợ chồng còn 01 mắc sợi dây bông tai vàng tây (không rõ trọng lượng) và 01 chiếc xe Air Blade biển số 77F1-379.14, giá trị chiếc xe còn lại là 25.000.000đ. Toàn bộ tài sản trên chị đang quản lý.

Ly hôn chị yêu cầu được sở hữu chiếc xe Air Blade, giao cho anh S sở hữu mắc sợi dây bông tai vàng tây.

Về nợ: Khi anh S bị tai nạn chị có mượn bà Tạ Thị N số tiền 9.000.000đ; mượn bà Nguyễn Thị Kim N số tiền 6.000.000đ và mượn vợ chồng ông Bùi Văn L - bà Trương Thị T số tiền 5.000.000đ đến nay chưa trả. Ly hôn chị yêu cầu vợ chồng cùng có trách nhiệm trả số nợ trên vì các khoản nợ trên chị mượn để chữa bệnh cho anh S trong thời gian bị tai nạn.

* *Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa bị đơn anh Trần Minh S trình bày*: Thống nhất với lời trình bày của chị H về thời gian cưới và nơi đăng ký kết hôn. Trước khi cưới vợ chồng có thời gian tìm hiểu khoảng 03 tháng, sau khi cưới vợ chồng sống tại nhà cha mẹ anh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường không có mâu thuẫn. Ngày 14/7/2017 trong một chuyến chở hàng ở tỉnh Hà Nam, khi lên mui phủ bạt che hàng do trời mưa giông thì anh bị dòng điện cao thế phóng trúng nên bị thương tích nặng: dập lá lách, cắt đuôi tụy, dập phổi, gãy 4 xương sườn, tay trái phải cắt bỏ, tay phải bị co cơ không cử động được. Trong thời gian anh nằm bệnh viện tỉnh Hà Nam và bệnh viện Hữu nghị Việt Đức Hà Nội để điều trị, H có ra chăm sóc. Đến 28/7/2017 bệnh viện Hữu nghị Việt Đức chuyển viện về bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định tiếp tục điều trị. Chị H chăm sóc anh tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định được vài ngày đến ngày 3/8/2017 thì kình cãi chuyện tiền bạc với mẹ anh và bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, không quan tâm và không hề có trách nhiệm gì với anh, vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2017 cho đến nay. Quá trình điều trị anh phải mổ 8 lần, toàn bộ tiền bạc để điều trị đều do mẹ anh vay mượn để lo. Anh xác định trước khi anh bị tai nạn vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn. Sau khi anh chuyển về bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định điều trị, H bỏ về nhà mẹ ruột sống và sau đó làm đơn ly hôn. Hiện nay anh vẫn còn đang điều trị tại bệnh viện chỉnh hình và phục hồi chức năng tỉnh Bình Định, anh xác định vẫn còn tình cảm với chị H nên không đồng ý ly hôn, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để anh ổn định tinh thần tiếp tục điều trị vết thương.

Về con chung: Anh và chị H có 01 người con chung tên Trần Phong H sinh ngày 09.7.2016, cháu H hiện đang ở với chị H. Nếu Tòa cho ly hôn anh yêu cầu được nuôi cháu H, yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con 700.000đ/tháng.

Về tài sản chung, vợ chồng có các tài sản chung như sau: Vàng cưới gồm 07 chỉ vàng y; 01 đôi bông tai vàng tây (không rõ trọng lượng) + 02 chiếc nhẫn đính hôn vàng tây (không rõ trọng lượng) giá mua 3.000.000đ. Sau khi cưới vợ chồng bán 07 chỉ vàng để mua 02 con bò và mua trả góp 01 chiếc xe Air Blade biển số 77F1-379.14.

Hiện còn các tài sản chung do chị H đang quản lý như sau:

- 01 chiếc xe Air Blade biển số 77F1-379.14, giá trị còn lại là 25.000.000đ.
- 02 con bò nghé cái, vợ chồng gửi ở nhà mẹ vợ, sau khi anh bị tai nạn chị Hồng đã tự ý bán và không đưa lại tiền cho anh.
- 02 chiếc nhẫn vàng tây đính hôn, 01 đôi bông tai vàng tây không rõ trọng lượng.

Nếu Tòa cho ly hôn anh yêu cầu được sở hữu tất cả tài sản trên để bán lấy tiền chữa bệnh. Ngoài ra, khi chị H ra bệnh viện tỉnh Hà Nam thì anh có giao cho chị H cất giữ 01 sợi dây chuyền vàng tây + 01 chiếc nhẫn tănggo vàng tây không rõ trọng nhưng khi anh mua giá là 8.000.000đ. Đây là tài sản riêng anh sắm trước khi kết hôn nên anh yêu cầu H trả lại cho anh 01 chiếc nhẫn tango vàng tây + 01 sợi dây chuyền vàng tây.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

** Theo đơn yêu cầu, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Tạ Thị N trình bày:* Chị là hàng xóm ở gần nhà cha mẹ ruột của H, chị không có mối quan hệ họ hàng với vợ chồng S, H. Vào ngày 21.6.2017 âm lịch, Trần Thị Ánh H đến nhà mượn số tiền 9.000.000đ để chạy chữa cho chồng đang bị tai nạn điện giật ở ngoài Bắc, lúc mượn có viết giấy nợ. Khi H mượn tiền thì S không biết nhưng khi S về chị có nói cho S biết việc H mượn tiền của chị thì S trả lời ai mượn người đó chịu chứ S không biết. Số tiền mượn 9.000.000đ đến nay vẫn chưa trả cho chị. Nay chị yêu cầu vợ chồng H, S có trách nhiệm trả chị số tiền 9.000.000đ, chị không yêu cầu tính tiền lãi chậm trả.

** Theo đơn yêu cầu, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Kim N trình bày:* Chị là hàng xóm ở gần nhà cha mẹ ruột của H, chị không có mối quan hệ họ hàng với vợ chồng H, S. Vào ngày 21.6.2017 âm lịch, H đến nhà chị mượn số tiền 6.000.000đ, lúc mượn có viết giấy nợ, mục đích H mượn tiền là cần tiền chạy chữa cho chồng đang bị tai nạn điện giật ở ngoài Bắc. Khi H mượn tiền thì S không biết và khi S chữa bệnh về chị cũng không có lần nào nói cho S biết việc H mượn tiền của chị. Số tiền mượn 6.000.000đ đến nay vẫn chưa trả cho chị. Nay chị yêu cầu chị H có trách nhiệm trả chị số tiền 6.000.000đ, chị không yêu cầu tính tiền lãi chậm trả.

** Theo đơn yêu cầu, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Bùi Văn L, bà Trương Thị T trình bày:* Vợ chồng ông bà là cậu mợ của H, khoảng thời gian nào không nhớ, khi S bị tai nạn ở ngoài Bắc, H ra chăm sóc sau đó điện thoại về cho bà (T) mượn số tiền 5.000.000đ để chữa trị cho S. Số tiền này bà trực tiếp giao cho mẹ của H là bà Bùi Thị T nhận. Khi ở Hà Nội về H có viết giấy nợ. Khoảng tháng 12/2017 khi S lên nhà H ẵm con về thì có gặp vợ chồng bà, bà có nói cho S biết việc H mượn tiền chữa bệnh cho S nhưng S nói H mượn làm gì S không biết. Đến nay vợ chồng H, S vẫn chưa trả số tiền trên cho vợ chồng bà. Vợ chồng ông bà yêu cầu vợ chồng S, H trả số tiền 5.000.000đ, không yêu cầu tính tiền lãi chậm trả.

Tại phiên tòa, ông L rút yêu cầu, không yêu cầu vợ chồng H, S trả số tiền nợ 5.000.000đ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong

quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị bác đơn xin ly hôn của chị H để vợ chồng đoàn tụ theo Điều 56 luật hôn nhân gia đình; Về con chung và tài sản chung: không xem xét giải quyết; Về nợ chung: Buộc chị H, anh S cùng có trách nhiệm trả nợ bà Tạ Thị N số tiền 9.000.000, trả bà Nguyễn Thị Kim N số tiền 6.000.000đ và ghi nhận sự tự nguyện của ông Bùi Văn L không yêu cầu vợ chồng chị H anh S trả số tiền nợ 5.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Trần Thị Ánh H khởi kiện xin ly hôn với anh Trần Minh S có địa chỉ cư trú tại Thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.

[1.2] Bà Trương Thị T và chị Tạ Thị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, chị N.

[2.] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Trần Thị Ánh H và anh Trần Minh S được xác lập trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ các điều kiện về kết hôn, được UBND xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Chị H, anh S cùng xác định sau khi cưới, vợ chồng chung sống rất đầm ấm, hạnh phúc không có mâu thuẫn và có với nhau 01 người con. Trong quá trình làm việc, hòa giải và tại phiên tòa chị H xác định vợ chồng mâu thuẫn là sau ngày anh S bị điện giật ở tỉnh Hà Nam vào ngày 14.7.2018. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S và mẹ chồng không tin tưởng chị trong chuyện tiền bạc và anh S tỏ ra lạnh nhạt với chị nên vào đầu tháng 8/2017 chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và tại phiên tòa, chị kiên quyết xin ly hôn anh S. Ngược lại, anh S cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì, nguyên nhân chị H xin ly hôn anh là do vào ngày 14.7.2017 anh bị điện giật bị tàn phế, từ đó chị H bỏ mặc không chăm sóc. Anh xác định vẫn còn tình cảm với chị H, nên mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi con và để anh ổn định tinh thần tiếp tục điều trị vết thương.

[2.3] Xét yêu cầu của chị H, anh S cùng với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua xác minh, thấy rằng: Chị Trần Thị Ánh H và anh Trần Minh S có thời gian tìm hiểu khoảng 1 năm và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2015. Sau khi

cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn. Anh S là tài xế xe tải chạy tuyến đường Bắc Nam, vào ngày 14.7.2017 khi chạy xe đến tỉnh Hà Nam gặp mưa giông, anh S lên mui phủ bạt che hàng thì bị dòng điện từ đường dây cao thế phóng vào người làm anh ngã xuống đất với thương tích hai tay, hai chân bị cháy, phổi, lá lách dập, vỡ, 4 xương sườn bị gãy. Anh S được đưa vào cấp cứu tại bệnh viện tỉnh Hà Nam, sau đó chuyển đến bệnh viện Hữu nghị Việt Đức tại Hà Nội điều trị cho đến ngày 28.7.2017 chuyển về điều trị tại bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định. Thời gian này chị H luôn bênh cạnh và chăm sóc cho anh S, giữa vợ chồng vẫn không có mâu thuẫn. Nhưng sau khi về điều trị tại bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định thì phát sinh mâu thuẫn giữa chị H và mẹ chồng trong chuyện tiền bạc và việc chăm sóc cho anh S, từ đó vợ chồng cãi nhau và chị H bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 8/2017. Trong khoảng thời gian từ đó cho đến nay, anh S vẫn tiếp tục điều trị tại bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định, bệnh viện chợ rẫy Tp.HCM, bệnh viện chỉnh hình và phục hồi chức năng Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

[2.4] Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vì cuộc sống mưu sinh để đem lại nguồn thu nhập cho gia đình và trong phút rủi ro anh S bị điện giật khi đang phủ bạt che hàng. Trong khoảng thời gian khó khăn này, anh S rất cần sự quan tâm, chia sẻ của người vợ nhưng qua những ngày đầu chăm sóc thì sau đó chị H thoái thác trách nhiệm cho gia đình chồng, bỏ về nhà cha mẹ ruột sống. Chị H cho rằng giữa chị và anh S mâu thuẫn căng thẳng, anh S tỏ ra lạnh nhạt và đánh chị cùng với việc trình bày chị cung cấp các file ghi âm để chứng minh. Nhưng khi công khai các file ghi âm thì nội dung ghi âm chỉ thể hiện việc cãi nhau giữa chị H và mẹ chồng mà không có căn cứ chứng minh việc vợ chồng mâu thuẫn đánh nhau. Cho đến trước ngày anh S bị điện giật vợ chồng vẫn chung sống bình thường, hạnh phúc. Từ một người khỏe mạnh, có đầy đủ sức khỏe lao động nhưng chỉ vì rủi ro bỗng chốc trở thành người với đầy các thương tật, chưa biết có giữ được tính mạng hay không, trong hoàn cảnh như vậy, anh S có sự thay đổi tâm trạng cảm xúc cũng là điều dễ hiểu. Lẽ ra chị H nên cảm thông, sẻ chia, động viên anh S điều trị nhưng trái lại chị lại có thái độ dửng dưng và có những lời lẽ xúc phạm, từ đó bỏ mặc, không chăm sóc anh S. Như vậy có cơ sở xác định anh S không có hành vi vi phạm quyền nghĩa vụ của vợ chồng nên lý do chị H xin ly hôn là không có căn cứ và không đúng với thực tế. Tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình quy định "*Tòa án chỉ cho ly hôn theo yêu cầu của một bên nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"*. Hơn nữa, giữa chị H và anh S không có mâu thuẫn căng thẳng, gay gắt, anh S tha thiết vợ chồng đoàn tụ để anh ổn định tinh thần, tiếp tục điều trị bệnh và cũng nhằm tạo điều kiện cho chị H anh S có cơ hội hàn gắn hạnh phúc. Do đó không chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trần Thị Ánh H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.5] Về con chung và tài sản chung: Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H nên không giải quyết con chung và tài sản chung.

[2.6] Về các khoản nợ:

[2.6.1] Ngày 28.3.2018 ông Bùi Văn L có đơn yêu cầu vợ chồng chị Trần Thị Ánh H, anh Trần Minh S trả nợ cho vợ chồng ông L số tiền 5.000.000đ. Tuy nhiên tại phiên tòa, ông L rút yêu cầu, không yêu cầu vợ chồng H, S trả số tiền nợ 5.000.00đ. Việc rút yêu cầu của ông L là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử công nhận và đình chỉ yêu cầu giải quyết nợ của ông L.

[2.6.2] Vào ngày 23.3.2018 bà Nguyễn Thị Kim N, bà Tạ Thị N có đơn yêu cầu vợ chồng chị Trần Thị Ánh H, anh Trần Minh S trả nợ cho bà N số tiền 6.000.000đ, trả nợ cho bà N số tiền 9.000.000đ. Bà N, bà N xác định mục đích chị H mượn tiền của các bà là để chữa trị cho anh S đang bị tai nạn điện giật nên yêu cầu vợ chồng cùng có trách nhiệm trả nợ nhưng anh S không đồng ý. Chị H xác định vào ngày 14.4.2017 có mượn bà N số tiền 6.000.000đ và mượn bà N số tiền 9.000.000đ để chi phí ra Hà Nam chữa trị cho anh S nên thống nhất vợ chồng cùng trả nợ cho bà N, bà N. Xét yêu cầu của bà N, bà N và ý kiến của chị H, anh S, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.6.3] Xét các chứng cứ do chị H cung cấp gồm 01 hóa đơn của hãng hàng không Vietjet.Air.com ngày 14.7.2017 có tên Trần Thị Ánh H, Trần Thị Hồng S (chị ruột anh S) và cha ruột chị H là ông Trần Văn L cùng đi chuyến bay GOSHOW VJ436 HLXT và có giá vé là 9.120.000đ. Chứng cứ này phù hợp với thời gian anh S đang điều trị tai nạn điện giật ở tỉnh Hà Nam vào ngày 14.7.2017 và lời xác nhận của anh S việc chị H, chị S và ông L có đến bệnh viện chăm sóc anh nên việc chị H mượn tiền của bà N, bà N để chi phí trong việc đi lại chữa bệnh cho anh S đang điều trị tại bệnh viện ở Hà Nam và bệnh viện Hữu nghị Việt Đức là có thật nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà N, bà N. Căn cứ Điều 27, Khoản 2 Điều 37 luật hôn nhân gia đình về trách nhiệm liên đới của vợ chồng đối với giao dịch do một bên thực hiện cần buộc vợ chồng chị H, anh S cùng có trách nhiệm trả nợ bà N số tiền 9.000.000đ và trả nợ bà N số tiền 6.000.000đ.

[3] Án phí sơ thẩm:

[3.1] Án phí hôn nhân: Chị Trần Thị Ánh H phải chịu 300.000đ

[3.2] Án phí dân sự: Vợ chồng chị Trần Thị Ánh H, anh Trần Minh S phải chịu 750.000đ đối với nghĩa vụ trả nợ (15.000.000đ x 5%). Bà Tạ Thị N, bà Nguyễn Thị Kim N không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 27, Điều 37 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Ánh H.

2/ Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc vợ chồng chị Trần Thị Ánh H, anh Trần Minh S có nghĩa vụ trả bà Tạ Thị N số tiền 9.000.000đ, trả bà Nguyễn Thị Kim N số tiền 6.000.000đ.

3/ Đình chỉ yêu cầu giải quyết nợ của ông Bùi Văn L, không yêu cầu vợ chồng chị H anh S trả nợ.

4/ Về án phí sơ thẩm:

4.1/ Chị Trần Thị Ánh H phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm và vợ chồng chị Trần Thị Ánh H, anh Trần Minh S phải chịu 750.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng 1.050.000đ được khấu trừ vào 1.050.000đ tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008580 ngày 09.3.2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

4.2/ Hoàn trả bà Tạ Thị N 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008600 ngày 23.3.2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

4.3/ Hoàn trả bà Nguyễn Thị Kim N 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008601 ngày 23.3.2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

4.4/ Hoàn trả ông Bùi Văn L 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008603 ngày 28.3.2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

5/ Quyền, nghĩa vụ thi thành án:

5.1/ Kể từ khi người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì người có nghĩa vụ còn phải chịu một khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

5.2/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/ Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên

cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bà T, bà N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Định
- VKSND TX. An Nhơn
- Chi cục THA TX. An Nhơn
- Các đương sự
- UBND xã N
- Lưu hồ sơ
- Lưu án văn

Trần Thị Mỹ Lệ